

Bản án số: 90/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 02 năm 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Bờ - bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Triệu Nhựt Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 715/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị G, sinh năm 1996; nơi thường trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; nơi ở hiện tại: Số C tổ D, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số B tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị G và anh C tự tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang ngày 24/01/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; tuy nhiên, thời gian dần về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, đời sống chung không hòa hợp nên vợ chồng đã ly thân cách nay khoảng 03 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị G và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/10/2011 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 04/9/2018, cả hai con đang chung sống với anh C và cha mẹ anh C. Chị G đồng ý giao cả hai con chung Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Mỹ T1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị G không cấp dưỡng cho các con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 11/02/2025, anh Nguyễn Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh C và chị G tự tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; tuy nhiên, thời gian dần về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị G bỏ đi nhiều lần rồi về năn nỉ vợ chồng hàn gắn chung sống lại, lần cuối cùng chị G bỏ đi vào năm 2022 nên đến nay vợ chồng đã ly thân khoảng 03 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh C đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh C và chị G có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/10/2011 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 04/9/2018, cả hai con đang chung sống với anh C và cha mẹ anh C. Anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Mỹ T1. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì anh C vẫn đi làm đảm bảo cuộc sống cho các con, nên anh C không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho các con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngoài ra, do anh C đang đi làm ăn xa nên đề nghị Tòa án cho anh C được vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa,

Chị G và anh C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến, yêu cầu như đã nêu trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị G ly hôn với anh C.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả hai con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/10/2011 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 04/9/2018 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho các con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, chị G và anh C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị G và anh C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang ngày 24/01/2017, nên hôn nhân được pháp luật công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, chị G và anh C có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp nên đã sống ly thân cách nay khoảng 03 năm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng cả chị G và anh C đều yêu cầu giải quyết cho ly hôn; cho đến nay vợ chồng vẫn sống ly thân và không thể tự hàn gắn tình cảm.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa chị G và anh C đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị G ly hôn với anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị G và anh C có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/10/2011 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 04/9/2018, đang chung sống với anh C. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì anh C là người trực tiếp nuôi con; cháu T có nguyện vọng chung sống với anh C; chị G đồng ý giao cả hai con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả hai con chung Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Mỹ T1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C phải tạo điều kiện cho chị G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con theo quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng: Anh C không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp. Anh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 19, 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 85, 86, 87 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trương Thị G ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/10/2011 và Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 04/9/2018. Anh C không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình của mình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Chị Trương Thị G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009023 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị G và anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi

nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

- Dương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS H. Châu Phú;
- UBND xã Mỹ Phú
(khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ

Tuấn

Nguyễn Hoàng

Nguyễn Duy Linh